

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18- 3 - 2024

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 664/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Hẻm D, đường N, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Phương N, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: Địa chỉ cư trú: Hẻm D, đường N, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Trần Phương N tự nguyện chung sống vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 30/12/2019, Giấy chứng nhận kết hôn số 150/2019. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Chị và anh N có 01 người con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 03/10/2018, hiện đang sống cùng chị và anh N. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- *Về tài sản:* Chị T xác định không có.

- *Về nợ chung*: Chị xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

Chị T xin vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Phương N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho anh N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bị đơn anh Trần Phương N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do, còn chị T xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Trần Phương N chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, nên chị yêu cầu ly hôn với bị đơn anh N. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh N xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Mặt khác, anh N quá trình giải quyết vụ án đến nay ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không xem xét. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh N là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị và anh N có 01 người con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 03/10/2018. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu L. Xét thấy, hiện nay cháu L còn nhỏ, cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Anh N không có ý kiến, nên không xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Tài sản chung: Chị T xác định không có, anh N không có ý kiến, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân T về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Phương N.

Con chung: Giao Nguyễn Bảo L, sinh ngày 03/10/2018, hiện đang sống cùng chị T và anh N cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng. Ngày 16/11/2023, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0007621, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 5, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân

